

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

ĐỘ TUỔI 5- 6 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường

Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, bản thân tôi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học như sau:

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1-9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
2	- Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng một chân và giữ thăng bằng trong 10 giây	- Đi trên ván kê dốc. - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi khụy gối - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Nhảy lò cò 5m.	6 1 8 8 2 3
3	- Trẻ biết kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng đích dốc. - Chạy thay đổi hướng đích dốc.	4,9 3 5 8
4	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	- Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách 4 m - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, 2 tay - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng.	9 9,6 1 6 7
5	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2 m x cao 1,5 m). + Bò vòng qua 6-7 điểm đích dốc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 100- 120m - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay, 2 tay - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném xa bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Bò đích dốc qua 7 điểm	7 9 4,7 5,9 7 3 1,8 5 5

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
		- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang. - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40- 50 cm - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản 15 - 20cm	2,4 6 2 4,9 5 6 8
6	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn.	2 6
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. + Sử dụng đôi bàn tay di chuột chơi các trò chơi vui học kidsmart + Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	- Tô, đồ theo nét. - Xé, cắt đường vòng cung - Lắp ráp. + Sử dụng đôi bàn tay di chuột chơi các trò chơi vui học kidsmart - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây	5,9 4 1-9 7
b. Dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	và muối khoáng: rau, quả...		
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2
10	- Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	3
11	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kĩ năng rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt. - Biết tự thay quần áo khi bị ướt bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.)	2 1 1 4
12	- Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	2
13	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	1,6

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
14	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Che miệng khi ho, hắt hơi, đeo khẩu trang đúng cách. + Bỏ rác đúng nơi qui định không nhổ bậy ra lớp. + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể đối với sức khỏe con người. - Che miệng khi ho, hắt hơi, đeo khẩu trang đúng cách - Bỏ rác đúng nơi qui định không nhổ bậy ra lớp. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông thoáng mát vào mùa hè) - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị mệt, sốt, đau...	3 8,9
15	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn: Dao, kéo, liềm, xẻng, quốc...	- Nhận biết và phòng tránh: +Những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng khi đến gần sẽ bị điện giật, bị bỏng). +Không nghịch các vật sắc, nhọn (Dao, kéo, liềm, xẻng, quốc...)	3
16	- Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như: hồ, ao, sông, suối, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...	8
17	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... + Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ	5

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. + Biết không tự ý uống thuốc.	độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. + Không tự ý uống thuốc khi chưa có sự cho phép của người lớn.	
18	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết tránh được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi... + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp. - Nhận biết, tránh một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi... + Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	9 3
19	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại bố, mẹ, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	3, 4
20	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào, hành lang lớp học, lan can nhà sàn... - Trẻ thực hiện một số quy định nơi công cộng về an toàn: + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt;	- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào, hành lang lớp học, lan can nhà sàn.... - Một số quy định nơi công cộng về an toàn: + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.	1 7

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.		
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
a. Khám phá khoa học			
21	- Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? Động đất, mưa đá, giông bão, sấm sét...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.	6,8
22	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số con vật. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.	1,5,6,7, 8
23	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. (Nước giếng, nước máy, nước khe, nước sông, nước suối) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	2,3
24	- Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại một số phương	1,3 1 7

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	- Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	tiện giao thông theo 2 – 3 dấu hiệu - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	5, 6 5,6 8
25	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống khi có thiên tai và biến đổi khí hậu.	1, 5, 6, 8
26	- Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây khi có biến đổi khí hậu. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	5
27	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	6
28	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Chơi đóng vai bác sĩ, nấu ăn, bán hàng... - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, cắt, xé dán, nặn về con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	2,5,6, 7,8,9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
29	- Trẻ nhận biết tên gọi một số loại thiên tai. - Giải thích được nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương.	- Nhận biết tên gọi một số loại thiên tai: mưa lũ, giông sét, mưa đá, động đất. - Giải thích được nguyên nhân và một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương	8
30	- Trẻ biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra : (VD Mây đen, gió dẫn tới trời sắp mưa, cầu vồng, giông sét...)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra: (VD Mây đen, gió dẫn tới trời sắp mưa, cầu vồng, giông sét...) - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	8
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng toán			
31	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	1,3,5,7,8
32	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
33	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
34	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	2,3,6,7,9
35	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		
36	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1,3,5,7,8,9
37	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe, số trên lịch, số điện	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại, ,	2

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	thoại, trên đồng hồ số...).	số trên lốc lịch, trên đồng hồ số...).	
38	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	6
39	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3,4
40	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra qui tắc sắp xếp - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	3,6
41	- Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	4 6 8
42	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.	4
43	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	1,2,5
44	- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.	8
c. Khám phá xã hội			
45	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được thông tin quan trọng về bản thân mình như: Họ tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2
46	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành	

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.	3
47	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (bản/ thôn, xã, tỉnh), số điện thoại ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình.(bản/ thôn, xã, tỉnh), số điện thoại ... khi được hỏi, trò chuyện.	
48	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. - Tên, công việc của các cô bác trong trường.	1
49	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
50	- Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
51	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “ Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: “Nghề đan mây tre, nghề làm bánh gai, bánh khảo; nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	4
52	- Trẻ có thể kể tên một số lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương Điện Biên và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. (Ngày khai giảng, ngày hội của cô giáo, tết nguyên đán...)Ví dụ: “ Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”	- Kể tên một số lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương Điện Biên: Lễ hội hoa ban, kỷ niệm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 7/5....và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ: Ngày khai giảng, ngày hội của cô giáo, tết nguyên đán...	1,3,4,6,7,9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
53	- Trẻ có thể kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương (Điện Biên), đất nước: Cảnh đồng Mường Thanh, Đồi A1, tượng đài, hầm đờ cát...	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, của quê hương (Điện Biên), đất nước: Cảnh đồng Mường Thanh, Đồi A1, tượng đài, hầm đờ cát...	9
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
54	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái C đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ T đứng sang bên trái”.	- Nghe hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	9
55	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).	3,5,6,7
56	- Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát quen thuộc của địa phương như inh lá oi, xòe hoa, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	4,8,9
57	- Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	3,5,7
58	- Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. + Trẻ người dân tộc như: Thái, Tày, Nùng, Thổ... sử dụng đúng một số từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống	4,6

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	câu bằng tiếng việt và tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	nhau và các thanh điệu. - Trẻ người dân tộc như: Thái, tày, nùng, thổ... sử dụng đúng một số từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm..., câu bằng tiếng việt và tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày.	
59	- Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?” ; “ Do đâu mà có?”. - Đặt các câu hỏi: “ Tại sao?; “ Như thế nào?”; “ Làm bằng gì?”. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	9
60	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.	- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.	4
61	- Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè..	1-9
62	- Trẻ có thể kể thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh	5,8
62	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.	5
63	- Trẻ biết sử dụng các từ: “ Cảm ơn”, “Xin lỗi”; “ Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “ Vâng”... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ: “ Cảm ơn”, “Xin lỗi”; “Xin phép”; “ Thưa”; “Dạ”; “ Vâng”... phù hợp với tình huống.	2,3
64	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	4,9
65	- Trẻ chọn sách để “đọc” và	- “Đọc” truyện qua các	8

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	xem.	tranh vẽ.	
66	- Trẻ kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	5
67	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách	1,2,3,4,5, 6,7,8,9
68	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,7
69	- Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái.	1-9
70	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. + Hướng viết của các nét chữ	1-9
IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI			
71	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính, dân tộc, của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được thông tin quan trọng như: họ tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	2,3
72	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	2,4
73	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
74	- Trẻ biết mình là con/ cháu/	- Vị trí và trách nhiệm của	3

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	anh/ chị/ em trong gia đình.	bản thân trong gia đình và lớp học.	
75	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	3
76	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	2,4,5,7,8,9
77	- Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	1,3,6,7,8,9
78	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết, biểu lộ một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2
79	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	2,3
80	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	9
81	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
82	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương Điện Biên, đất nước	

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	thống (trang phục, món ăn...) của quê hương Điện Biên, đất nước.	như: Đồi A1, tượng đài, hầm chờ cát...lễ hội (lễ hội hoa ban) một vài nét văn hóa truyền thống trang phục, món ăn: áo cóm, khăn piêu, cơm lam...	9
83	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng sai”, “tốt, xấu”.	1,3,7
84	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép...	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	1,4
85	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		4,5
86	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận (xếp hàng rửa tay, khi đi vệ sinh)	4,7
87	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn (giúp đỡ bạn khi bị ngã, biết, không tranh đồ chơi của bạn)	4,6,7,8,9
88	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	4,9
89	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6
90	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường(không vứt rác bừa bãi, bỏ rác vào đúng nơi quy định, không ngắt lá bẻ cành)	6, 8 ,9
91	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).		

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
92	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước (biết tắt quạt, bóng điện khi không dùng, biết khoá vòi nước khi đã dùng xong)	1
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
93	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát của địa phương bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	2
94	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		
95	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc của địa phương thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc, các điệu múa đặc sắc của địa phương, vùng miền như:INH LẢ OI, XÒE HOA...thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	1-9
96	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1,2,3,4,5, 6,7, 8
97	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	1-9
98	- Trẻ biết gõ đệm bằng	- Sử dụng các dụng cụ gõ	

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
	dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.(Phách tre, đàn, trống...)	đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.(Phách tre, đàn, trống...)	8,9
99	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên sẵn có ở địa phương để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương như: Rơm, chai, lọ, hạt ngô, hạt đỗ, ... phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	2,4,5,8,67,9
100	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ các nét để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,3,4,5, 6,9
101	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo thành bức tranh/ sản phẩm có kiểu dáng, có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Xé xun, xé theo dải thẳng, đường cong...	1,4,7,9
102	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	2,4
103	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	2,3,4,5,6,7,8,9
104	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc ở địa phương (một câu hoặc một đoạn).	9
105	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	1,2,3,4,5,6,7,8,9
106	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề
-----	----------	-------------------	-----------------

BAN GIÁM HIỆU
(Duyệt)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Tòng Thị Tân